TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DSST
Ngày: 08/5/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;

2. Bà Trần Ngọc Phương.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST–DS ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B; địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 Toà nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường Trang Tiền, quận H, Thành phố N; địa chỉ liên hệ: Số 227 Đại lộ Bình Dương, Khu phố 3, phường Phú T, thành phố D, tỉnh B. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1987 – chuyên viên Tổ khách hàng – Phòng giao dịch Thuận An – chi nhánh Bình Dương; là người đại diện theo uỷ quyền; có mặt.

- Bị đơn: Bà Đỗ Như P, sinh năm 1976 và ông Trần Văn N, sinh năm 1976; cùng hộ khẩu thường trú: số 8/77, khu phố Bình Thuận 1, phường Thuận G, thành phố A, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/01/2018, Ngân hàng thương mại cổ phần B (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và vợ chồng bà Đỗ Như P, ông Trần Văn N đã kí hợp đồng tín dụng số HDTD5422021800008 với nội dung thoả thuận cụ thể như sau: Tổng hạn mức cấp tính

dụng: 320.000.000đồng; Mục đích vay: Bù đắp tài chính mua xe ô tô THACO HD350 để kinh doanh; Thời hạn vay: 72 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 11,25%/năm; lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần; Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất nợ lãi quá hạn do hai bên thoả thuận bằng 10%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay, ông Nhàn và bà Phương đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô THACO số loại: HD350 đã qua sử dụng, số máy: D4DBEJ580401, số khung: 50BKFC048017 theo Giấy chứng nhận Đăng ký Xe Ô tô số: 060192 do Công an Bình Dương cấp ngày 28/11/2017, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2017 thuộc sở hữu và sử dụng của bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N theo Hợp đồng Thế chấp xe ô tô số 006-18/HĐTC-TA số công chứng: 977 ngày 19/01/2018 tại Văn phòng công chứng Tân U, tỉnh B; Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm đề ngày 19/01/2018 nộp tại thời điểm 08 giờ 25 phút, ngày 22/01/2018.

Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền 320.000.000 đồng cho ông N và bà P theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5422021800008/001 ngày 22/01/2018. Kể từ khi ký kết hợp đồng tín dụng và nhận tiền vay, bà P và ông N đã thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng tuy nhiên từ ngày 12/2021 thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N thanh toán nợ vay gồm nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền nợ tạm tính đến ngày 08/5/2023 là 134.938.309 đồng, gồm: Số tiền nợ gốc: 110.849.941đồng; Số tiền nợ lãi: 13.200.744 đồng; Số tiền lãi chậm trả gốc: 9.867.142 đồng; Số tiền lãi chậm trả lãi: 1.020.482 đồng;

Ngoài ra bà P và ông N còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 09/5/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bà P và ông N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các bị đơn bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N nhưng tại thời điểm tống đạt các bị đơn đã không còn sinh sống tại địa phương. Theo nội dung Biên bản xác minh ngày 25/11/2022 tại Công an phường Thuận G thể hiện bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa số 8/77, khu phố Bình Thuận 1, phường Thuận G, thành phố A, tỉnh B nhưng ông N và bà P đã không còn sinh sống tại địa chỉ trên khoảng 01 năm nay. Do đó, việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tống đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tống đạt, thông báo. Căn cứ Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh B tiến hành thông báo cho đương sự vắng mặt trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi chậm trả lãi: 1.020.482 đồng; các bị đơn bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng các bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ghi nhận sự tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi chậm trả lãi là 1.020.482 đồng; đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N có hộ khẩu thường trú tại địa số 8/77 khu phố Bình Thuận 1, phường Thuận G, thành phố A, tỉnh B tranh chấp hợp đồng tín dụng. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Các bị đơn là bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N đã được tống đạt đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án: Ngày 19/01/2018, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B và các bị đơn là Đỗ Như P và ông Trần Văn N đã kí hợp đồng tín dụng số HDTD5422021800008 với nội dung: Tổng hạn mức cấp tính dụng: 320.000.000đồng; Mục đích vay: Bù đắp tài chính mua xe ô tô THACO HD350 để kinh doanh; Thời hạn vay: 72 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 11,25%/năm; lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần; Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất nợ lãi quá hạn do hai bên thoả thuận bằng 10%/năm.

[3.1] Hợp đồng hai bên đã ký kết là hợp đồng song vụ nên quyền và nghĩa vụ của hai bên phát sinh sau khi ký kết hợp đồng. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn đủ số tiền 320.000.000 đồng theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5422021800008/001 ngày 22/01/2018. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được 209.150.059 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại 110.849.941 đồng. Như vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc: 110.849.941đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn phải thanh toán số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 08/5/2023, gồm: Số tiền nợ lãi: 13.200.744 đồng; Số tiền lãi chậm trả gốc: 9.867.142 đồng; Số tiền lãi chậm trả lãi: 1.020.482 đồng.

[3.2.1] Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu các bị đơn thanh toán số tiền lãi chậm trả lãi: 1.020.482 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét cử ghi nhận.

[3.2.2] Việc thỏa thuận thanh toán tiền lãi của các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 11, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn gồm: Số tiền nợ lãi: 13.200.744 đồng; Số tiền lãi chậm trả gốc: 9.867.142

đồng (theo bảng kê chi tiết của Ngân hàng) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền lãi mà các bị đơn phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 08/5/2023 là 23.067.886 đồng. Ngoài ra các bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 09/5/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

[3.3] Để đảm bảo cho khoản vay, các bị đơn đã thế chấp xe ô tô THACO số loại: HD350 đã qua sử dụng, số máy: D4DBEJ580401, số khung: 50BKFC048017, Giấy chứng nhận Đăng ký Xe Ô tô số: 060192 do Công an Bình Dương cấp ngày 28/11/2017, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2017 thuộc sở hữu và sử dụng của bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 006-18/HĐTC-TA số công chứng: 977 ngày 19/01/2018 tại Văn phòng công chứng Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm đề ngày 19/01/2018 nộp tại thời điểm 08 giờ 25 phút, ngày 22/01/2018. Việc thỏa thuận, ký kết hợp đồng thế chấp tài sản trên giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 318, 320, 321 và 322 của Bộ luật Dân sự. Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp các bị đơn là bà P và ông N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự.

[3.4] Như vậy, các bị đơn là Đỗ Như P và ông Trần Văn N phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ tạm tính đến ngày 08/5/2023 là 133.917.827 đồng, gồm: Số tiền nợ gốc: 110.849.941đồng; Số tiền nợ lãi: 13.200.744 đồng; Số tiền lãi chậm trả gốc: 9.867.142 đồng;

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Các bị đơn phải liên đới nộp số tiền 5.268.000 đồng để hoàn trả cho nguyên đơn.

[7] Về án phí: Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 318, Điều 320, Điều 321 và Điều 322 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 24 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với yêu cầu các bị đơn bà Đỗ

Như P và ông Trần Văn N liên đới thanh toán số tiền lãi chậm trả lãi là 1.020.482đ (một triệu không trăm hai mươi nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với các bị đơn bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N.

Buộc các bị đơn bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền nợ tạm tính đến ngày 08/5/2023 là 133.917.827đ (một trăm ba mươi ba triệu chín trăm mười bảy nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng), trong đó bao gồm: số tiền nợ gốc 110.849.941đồng; số tiền nợ lãi: 13.200.744 đồng; Số tiền lãi chậm trả gốc: 9.867.142 đồng)

Kể từ ngày 09 tháng 5 năm 2023, bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ là quyền sở hữu xe ô tô THACO số loại: HD350 đã qua sử dụng, số máy: D4DBEJ580401, số khung: 50BKFC048017, Giấy chứng nhận Đăng ký Xe Ô tô số: 060192 do Công an Bình Dương cấp ngày 28/11/2017, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2017 thuộc sở hữu và sử dụng của bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 006-18/HĐTC-TA số công chứng: 977 ngày 19/01/2018 tại Văn phòng công chứng Tân U, tỉnh B và Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm đề ngày 19/01/2018 nộp tại thời điểm 08 giờ 25 phút, ngày 22/01/2018.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N phải liên đới nộp số tiền 5.268.000đ (năm triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Như P và ông Trần Văn N phải liên đới chịu 6.695.900đ (sáu triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 2.968.000đ (hai triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002953 ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.